

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SUN - SỐNG SÁNG



Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN VAN A

- 5 quỹ đầu tư khác biệt và đẳng cấp giúp tối ưu dòng tiền.
- 4 quyền điều chỉnh linh hoạt kế hoạch đầu tư và bảo vệ.
- 3 khoản thưởng hấp dẫn với điều kiện nhận thưởng dễ dàng.
- Đảm bảo nhận từ 1.400.000.000 đồng khi Người được bảo hiểm tử vong/ Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.

Ngày lập: 05/07/2024

Người lập: **TRẦN VŨ QUỐC AN**

Mã số: 174433

Điện thoại: **0934858544**

Chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm của TVTC:

Lưu ý: Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo thông tin sản phẩm, tự thiết lập, đánh giá hợp đồng bảo hiểm SUN - Sống Sáng dự kiến tham gia tại <https://sunlife.co/sun-ez>.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM (SUN LIFE VIỆT NAM)

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm Nhân thọ

Trụ sở: Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank, 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84-28) 629.85.888/Fax: (84-28) 629.85.999/Website: www.sunlife.com.vn/Email: dichvu.khachhang@sunlife.com/Hotline: 1800 1786

Giấy phép thành lập số 68GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24/01/2013 (đã được sửa đổi bổ sung); Vốn điều lệ 17.944 tỷ đồng

Mạng lưới Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: <https://www.sunlife.com.vn/vn/ve-chung-toi/lien-he/mang-luoi-trung-tam-dich-vu-khach-hang/>

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

Nghề nghiệp: BIÊN TẬP VIÊN SÁCH, TẠP CHÍ

Đơn vị tính: Đồng

Người được bảo hiểm (NDBH)	Ngày sinh	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (*) (Năm)	Phí bảo hiểm năm
NGUYEN VAN A	01/01/1994	30 - Nam	1	SUN - Sống Sáng	1.400.000.000	55	20.000.000
				Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất(**)		Gia hạn hàng năm	1.520.000
				- Quyền lợi điều trị nội trú - Nước	100.000.000	Tối đa 20 năm	1.520.000
				Bảo hiểm bổ sung - Sống An	700.000.000	20	2.030.000

	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản (1)	5.000.000	10.000.000	20.000.000
Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (2)	887.500	1.775.000	3.550.000
Phí bảo hiểm định kỳ (3) = (1) + (2)	5.887.500	11.775.000	23.550.000
Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến (4)	-	-	-
Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến = (3) + (4)	○ 5.888.000 ○	11.775.000 ●	23.550.000

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG (tiếp theo)

Ghi chú:

(*) Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm.

Đối với sản phẩm SUN - Sống Sáng, Thời hạn đóng phí bắt buộc là 4 Năm hợp đồng đầu tiên. **Thời hạn đóng phí dự kiến trên Bảng minh họa này là 20 năm.** Từ Năm hợp đồng thứ 5, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí linh hoạt (có thể khác với thời hạn đóng phí dự kiến này), tùy theo tình hình tài chính, nhu cầu tích lũy và bảo vệ của mình. Trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu được minh họa ở thời hạn đóng phí dự kiến khác với Bảng minh họa này, vui lòng yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa mới với (các) thời hạn đóng phí dự kiến khác. Việc giảm/tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng (đặc biệt khi Bên mua bảo hiểm tham gia nhiều sản phẩm bổ sung và đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung; hoặc Người được bảo hiểm có mức Phí bảo hiểm rủi ro cao ở các độ tuổi lớn; hoặc Bên mua bảo hiểm thực hiện rút tiền từ Giá trị tài khoản). Ngoài ra, các Khoản thưởng giúp gia tăng Giá trị tài khoản sẽ được đảm bảo khi Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm thỏa điều kiện nhận thưởng theo quy định.

(**) Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này là 1 năm và được gia hạn hàng năm hoặc chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này. Phí bảo hiểm của sản phẩm này sẽ thay đổi theo tuổi của Người được bảo hiểm tại các Ngày kỷ niệm năm hợp đồng. Phí thể hiện ở đây là phí bảo hiểm của Năm hợp đồng 1. Phí bảo hiểm của các Năm hợp đồng tiếp theo và Quyền lợi san sẻ yêu thương (nếu có lựa chọn) được thể hiện ở trang Chi tiết Quyền lợi và Phí của Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất.

TỶ LỆ ĐẦU TƯ

Tỷ lệ đầu tư là tỷ lệ phần trăm mà Bên mua bảo hiểm chỉ định để phân bổ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ Phí ban đầu (nếu có) vào (các) Quỹ liên kết đơn vị.

Quỹ liên kết đơn vị	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm
Quỹ Tăng Trưởng	100%	100%
Quỹ Tối Ưu	0%	0%
Quỹ Đăng Cấp	0%	0%
Quỹ Cân Bằng	0%	0%
Quỹ Bền Vững	0%	0%

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A			
SUN - Sống Sáng	Tử vong	- Trước Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau ngày sinh nhật lần thứ 70 của Người được bảo hiểm: 1.400.000.000 + Giá trị tài khoản; - Kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau ngày sinh nhật lần thứ 70 của Người được bảo hiểm: Giá trị lớn hơn giữa 1.400.000.000 và Giá trị tài khoản.	
	Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV)	1.400.000.000 đồng + Giá trị tài khoản.	Nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau ngày sinh nhật lần thứ 66 của Người được bảo hiểm.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A			
Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất	Xem thông tin quyền lợi bảo hiểm tại trang Chi Tiết Quyền lợi và Phí của Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất.		
Bảo hiểm bổ sung - Sống An (**)	Chấn thương và Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn	Lên đến 700.000.000/ Năm hợp đồng	Chi trả % STBH tương ứng với các chấn thương được quy định tại Quy tắc và Điều khoản SPBS này. Quyền lợi Chấn thương do Tai nạn (bao gồm Gãy xương, Chấn thương các cơ quan nội tạng, đứt Mô liên kết, Bồng độ 2 từ 20% bề mặt cơ thể & Bồng độ 3 từ 10% đến dưới 20% bề mặt cơ thể) chấm dứt khi tổng quyền lợi chi trả cho Chấn thương do Tai nạn đạt 200% STBH.
	Chấn thương nghiêm trọng và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn	700.000.000	Chấn thương nghiêm trọng bao gồm Bồng độ 3 từ 20% bề mặt cơ thể; Hôn mê; Chấn thương sọ não nghiêm trọng
	Tử vong do Tai nạn trong các trường hợp đặc biệt	Lên đến 2.100.000.000	Chi trả theo % STBH tương ứng với các sự kiện sau: hành khách trên chuyến bay thương mại hoặc Phương tiện giao thông công cộng, trong các ngày nghỉ Lễ/ Tết của Việt Nam, hỏa hoạn/sự cố thang máy trong các Tòa nhà công cộng, khi đang làm việc hoặc vợ/chồng cùng tử vong trong một tai nạn.
	Tử vong do các Tai nạn khác	700.000.000	

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Ghi chú:

(**) Các quyền lợi đã chi trả (nếu có) trong cùng 1 Tai nạn hoặc trong cùng Năm hợp đồng sẽ bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi tử vong, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn. Trong cùng 1 Tai nạn, nếu NĐBH thỏa nhiều sự kiện bảo hiểm dẫn đến chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung này (bao gồm Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn, Tử vong do Tai nạn), Công ty sẽ chỉ chi trả cho một sự kiện bảo hiểm có tỷ lệ phần trăm cao nhất.

Lưu ý:

- Sun Life Việt Nam sẽ không chi trả Quyền lợi bảo hiểm cho các trường hợp loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có).

- Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải kê khai thông tin đầy đủ, trung thực và thông báo khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có). Việc kê khai thông tin không đúng hoặc không đầy đủ sẽ dẫn đến rủi ro không được Sun Life Việt Nam chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có) và được đăng tải tại www.sunlife.com.vn.

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng	
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam	Việt Nam	Châu Á	Toàn cầu (trừ Mỹ)	Toàn cầu	
QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ						
Số tiền bảo hiểm	100.000.000	200.000.000	500.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	
Các loại Chi phí y tế thực tế	Hạn mức					
I. Viện phí và các chi phí y tế/Đợt điều trị (bao gồm các hạng mục từ 1.1 đến 1.9)	20.000.000	40.000.000	100.000.000	200.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế	
1.1. Phòng và giường/ngày (Tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng)	Điều trị trong nước	700.000	1.250.000	2.000.000	5.000.000	10.000.000
	Điều trị ở nước ngoài	Không áp dụng	Không áp dụng			Theo giá phòng hạng tiêu chuẩn của Cơ sở y tế
1.2. Phòng và giường cho 1 người thân/ngày (áp dụng đối với Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi và trên 60 tuổi; Tối đa 10 ngày/Năm hợp đồng)	250.000	500.000	1.000.000	1.500.000	3.000.000	
1.3. Dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà sau khi xuất viện/ngày (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	100.000	200.000	400.000	600.000	2.000.000	
1.4. Chi phí Khoa chăm sóc đặc biệt/ngày (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	1.400.000	2.500.000	4.000.000	10.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế	
1.5. Chi phí phẫu thuật/Đợt điều trị	Theo Chi phí y tế thực tế					
1.6. Điều trị trước khi nhập viện						
1.7. Điều trị sau khi xuất viện						
1.8. Phí khám bệnh của Bác sĩ/Bác sĩ chuyên khoa						

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
1.9. Chi phí y tế nội trú khác/Đợt điều trị	5.000.000	10.000.000	25.000.000	50.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
II. Các điều trị đặc biệt (áp dụng Hạn mức của các hạng mục từ 1.1 đến 1.4)					
2.1. Cây ghép nội tạng/Năm hợp đồng	50.000.000	100.000.000	250.000.000	500.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
2.2. Điều trị ung thư/Năm hợp đồng	Theo Chi phí y tế thực tế				
2.3. Lọc thận/Năm hợp đồng	10.000.000	20.000.000	50.000.000	100.000.000	
III. Điều trị cấp cứu do Tai Nạn					
3.1. Điều trị cấp cứu/Tai nạn	1.000.000	2.000.000	5.000.000	10.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
3.2. Điều trị tổn thương răng/Tai nạn	1.000.000	2.000.000	5.000.000	10.000.000	
IV. Quyền lợi khác					
4.1. Vận chuyển cấp cứu/Năm hợp đồng	1.000.000	2.000.000	5.000.000	10.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
4.2. Phẫu thuật/Điều trị trong ngày cho mỗi Đợt điều trị	Theo Chi phí y tế thực tế				

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ					
Số tiền bảo hiểm	5.000.000	10.000.000	20.000.000	40.000.000	120.000.000
Các loại Chi phí y tế thực tế/Lần thăm khám	Hạn mức				
1. Chi phí thăm khám, Vật lý trị liệu, Thuốc kê toa, chi phí xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh	500.000	1.000.000	2.000.000	4.000.000	10.000.000
2. Y học thay thế	250.000	500.000	1.000.000	2.000.000	5.000.000
QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NHA KHOA					
Số tiền bảo hiểm	2.000.000	4.000.000	10.000.000	15.000.000	30.000.000
Các loại Chi phí y tế thực tế	Hạn mức				
1. Cạo vôi răng/Năm hợp đồng (Tối đa 2 lần)	1.000.000	2.000.000	3.000.000	5.000.000	10.000.000
2. Chi phí điều trị nha khoa (bao gồm chi phí xét nghiệm, chẩn đoán và thuốc) phát sinh trong các điều trị: viêm nướu, nhổ răng sâu (không phẫu thuật), trám răng bằng chất liệu thông thường (amalgam, composite, GIC, fuji hoặc tương đương), chữa tủy răng, chụp X-quang theo chỉ định của Bác sĩ/Bác sĩ chuyên khoa, cắt mô cứng của răng, cắt cuống răng; răng giả, mão răng (không bao gồm trồng răng)	Theo Chi phí y tế thực tế				

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
QUYỀN LỢI CHĂM SÓC THAI SẢN					
Số tiền bảo hiểm	15.000.000	25.000.000	35.000.000	50.000.000	120.000.000
Sinh thường (Quyền lợi tối đa cho mỗi lần mang thai)	10.000.000	15.000.000	20.000.000	30.000.000	60.000.000
Sinh mổ (Quyền lợi tối đa cho mỗi lần mang thai)	15.000.000	25.000.000	35.000.000	50.000.000	120.000.000
Các loại Chi phí y tế thực tế	Hạn mức				
1. Phòng và Giường/ngày (Tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng)	1.250.000	2.000.000	2.500.000	5.000.000	10.000.000
2. Chi phí Khoa chăm sóc đặc biệt/ngày (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	2.500.000	4.000.000	5.000.000	10.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
3. Khám thai/lần (Tối đa 8 lần/Năm hợp đồng)	500.000	1.000.000	1.500.000	2.000.000	5.000.000
4. Xét nghiệm chẩn đoán thai kì	Theo Chi phí y tế thực tế				
5. Chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh (trong vòng 7 ngày kể từ ngày sinh)					
6. Điều trị Biến chứng thai sản					

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
QUYỀN LỢI SAN SẺ YÊU THƯƠNG					
<p>Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi san sẻ yêu thương cho mỗi Quyền lợi bằng Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi đó nhân số lượng Thành viên gia đình tham gia. Mỗi Thành viên gia đình sẽ vẫn được sử dụng Quyền lợi điều trị nội trú, Quyền lợi điều trị ngoại trú theo Kế hoạch đã lựa chọn như quy định bên trên. Tại cuối mỗi Năm hợp đồng, nếu tổng số tiền thanh toán cho một Thành viên gia đình < Số tiền bảo hiểm của mỗi Quyền lợi của Thành viên gia đình đó, phần chênh lệch này sẽ được dùng để thanh toán các Chi phí y tế thực tế phát sinh vượt quá Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi tương ứng trong Năm hợp đồng đó cho các Thành viên gia đình còn lại, nếu có. Chi phí y tế thực tế nào phát sinh trước sẽ được ưu tiên thanh toán trước. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền thanh toán cho toàn bộ Thành viên gia đình ở mỗi Quyền lợi không vượt quá Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi san sẻ yêu thương cho Quyền lợi đó, đồng thời, tổng số tiền thanh toán cho mỗi hạng mục trong mỗi Quyền lợi cho từng Thành viên gia đình không vượt quá Hạn mức như quy định bên trên.</p>					

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Ghi chú:

• **Mức khấu trừ:** là tỷ lệ phần trăm tính trên Chi phí y tế thực tế mà Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải có trách nhiệm thanh toán cho mỗi sự kiện bảo hiểm, áp dụng cho Quyền lợi điều trị ngoại trú và Quyền lợi điều trị nha khoa.

Kế hoạch bảo hiểm		Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
Mức khấu trừ	Ngoài Hệ thống bảo lãnh viện phí	20%				10%
	Trong Hệ thống bảo lãnh viện phí	10%				Không áp dụng Mức khấu trừ
	Khám/điều trị tại Bệnh viện công hoặc đã được chi trả bởi Bảo hiểm y tế hoặc công ty bảo hiểm khác	Không áp dụng Mức khấu trừ				

• **Hệ thống bảo lãnh viện phí:** là hệ thống các Cơ sở y tế có ký kết thỏa thuận cung cấp dịch vụ bảo lãnh với Sun Life Việt Nam hoặc đối tác của Sun Life Việt Nam. Khi Người được bảo hiểm khám và điều trị tại những Cơ sở y tế này, Sun Life Việt Nam sẽ sử dụng quyền lợi bảo hiểm (nếu có) để thanh toán chi phí khám và điều trị cho Cơ sở y tế.

• **Thời gian chờ:** là khoảng thời gian mà các quyền lợi bảo hiểm sẽ không được Công ty chi trả. Thời gian chờ được tính từ Ngày hiệu lực của sản phẩm bổ sung, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất của Sản phẩm bổ sung này, hoặc ngày thay đổi Kế hoạch bảo hiểm hoặc Quyền lợi bảo hiểm gần nhất (cho phần tăng thêm), hoặc ngày bổ sung Thành viên gia đình, tùy ngày nào đến sau. Thời gian chờ được quy định như sau:

- Đối với Bệnh đặc biệt, ung thư, Cấy ghép nội tạng: 90 ngày;
- Đối với Chăm sóc thai sản: 270 ngày;
- Đối với các Bệnh khác: 30 ngày;
- Đối với trường hợp Tai nạn: không áp dụng.

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

- Quyền lợi san sẻ yêu thương:

- Thành viên gia đình gồm Người được bảo hiểm, vợ/chồng của Người được bảo hiểm, con ruột hoặc con nuôi của Người được bảo hiểm từ 30 ngày tuổi đến 25 tuổi (tối đa 3 con trong 1 Hợp đồng bảo hiểm), cha/mẹ ruột hoặc cha/mẹ nuôi của Người được bảo hiểm. Thành viên gia đình phải có mối quan hệ bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm và nằm trong độ tuổi theo quy định của Sản phẩm bổ sung này.
- Quyền lợi san sẻ yêu thương sẽ phụ thuộc vào thẩm định và chấp thuận của Công ty.

- Thay đổi Kế hoạch bảo hiểm/Quyền lợi bảo hiểm:

- Tăng Kế hoạch bảo hiểm/Thêm Quyền lợi bảo hiểm: áp dụng khi Người được bảo hiểm trong độ tuổi tham gia và đáp ứng các yêu cầu về thẩm định của Công ty.
- Giảm Kế hoạch bảo hiểm/Hủy quyền lợi bảo hiểm: **áp dụng từ Năm hợp đồng 4 trở đi**. Việc hủy Quyền lợi điều trị ngoại trú sẽ dẫn đến việc Quyền lợi điều trị nha khoa và Quyền lợi chăm sóc thai sản cũng sẽ bị hủy.

- Thay đổi Thành viên gia đình:

- Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu bổ sung Thành viên gia đình trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện sau: Người được bảo hiểm kết hôn, Người được bảo hiểm sinh con hoặc nhận con nuôi.
- Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu giảm số lượng Thành viên gia đình khi: Thành viên gia đình tử vong, hoặc ly hôn với Người được bảo hiểm.

- Sản phẩm bổ sung này được xem xét gia hạn tại mỗi Ngày kỷ niệm năm hợp đồng cho đến khi Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hiệu lực Sản phẩm bổ sung này; hoặc Người được bảo hiểm không còn đáp ứng điều kiện về tuổi được bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản Sản phẩm bổ sung này; hoặc Công ty ngưng cung cấp Sản phẩm bổ sung hoặc Kế hoạch bảo hiểm này.

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Minh họa phí bảo hiểm của Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất

Đơn vị: nghìn đồng

Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A										
Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất										
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Phí bảo hiểm năm	1.520	1.520	1.520	1.530	1.530	1.540	1.540	1.550	1.550	1.550
Năm hợp đồng	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Phí bảo hiểm năm	1.560	1.580	1.610	1.640	1.670	1.700	1.780	1.860	1.950	2.030

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi Tử vong / TTTBVV ⁽²⁾ đảm bảo	Minh họa tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến cao (Không đảm bảo)				Rút từ Giá trị tài khoản ⁽⁶⁾
	Tổng phí bảo hiểm hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm			Các khoản thưởng ⁽³⁾	Giá trị tài khoản ⁽⁴⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁵⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV ⁽²⁾	
1/30	23.550	20.000	-	3.550	6.000	1.400.000	600	4.081	-	1.404.081	-
2/31	23.550	20.000	-	3.550	8.000	1.400.000	-	9.961	-	1.409.961	-
3/32	23.550	20.000	-	3.550	12.000	1.400.000	-	20.603	603	1.420.603	-
4/33	23.560	20.000	-	3.560	19.000	1.400.000	-	39.690	21.690	1.439.690	-
5/34	23.560	20.000	-	3.560	19.000	1.400.000	956	61.279	44.279	1.461.279	-
6/35	23.570	20.000	-	3.570	20.000	1.400.000	-	84.744	68.744	1.484.744	-
7/36	23.570	20.000	-	3.570	20.000	1.400.000	-	110.075	96.075	1.510.075	-
8/37	23.580	20.000	-	3.580	20.000	1.400.000	-	137.411	127.411	1.537.411	-
9/38	23.580	20.000	-	3.580	20.000	1.400.000	-	166.904	160.904	1.566.904	-
10/39	23.580	20.000	-	3.580	20.000	1.400.000	16.763	215.478	215.478	1.615.478	-
11/40	23.590	20.000	-	3.590	20.000	1.400.000	-	251.295	251.295	1.651.295	-
12/41	23.610	20.000	-	3.610	20.000	1.400.000	-	289.938	289.938	1.689.938	-
13/42	23.640	20.000	-	3.640	20.000	1.400.000	-	331.634	331.634	1.731.634	-
14/43	23.670	20.000	-	3.670	20.000	1.400.000	-	376.613	376.613	1.776.613	-
15/44	23.700	20.000	-	3.700	20.000	1.400.000	11.365	436.506	436.506	1.836.506	-
16/45	23.730	20.000	-	3.730	20.000	1.400.000	-	489.897	489.897	1.889.897	-
17/46	23.810	20.000	-	3.810	20.000	1.400.000	-	547.520	547.520	1.947.520	-
18/47	23.890	20.000	-	3.890	20.000	1.400.000	-	609.728	609.728	2.009.728	-
19/48	23.980	20.000	-	3.980	20.000	1.400.000	-	676.888	676.888	2.076.888	-
20/49	24.060	20.000	-	4.060	20.000	1.400.000	42.820	792.195	792.195	2.192.195	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi Tử vong / TTTBVV ⁽²⁾ đảm bảo	Minh họa tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến thấp (Không đảm bảo)				Rút từ Giá trị tài khoản ⁽⁶⁾
	Tổng phí bảo hiểm hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm			Các khoản thưởng ⁽³⁾	Giá trị tài khoản ⁽⁴⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁵⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV ⁽²⁾	
1/30	23.550	20.000	-	3.550	6.000	1.400.000	600	3.693	-	1.403.693	-
2/31	23.550	20.000	-	3.550	8.000	1.400.000	-	8.754	-	1.408.754	-
3/32	23.550	20.000	-	3.550	12.000	1.400.000	-	17.800	-	1.417.800	-
4/33	23.560	20.000	-	3.560	19.000	1.400.000	-	33.902	15.902	1.433.902	-
5/34	23.560	20.000	-	3.560	19.000	1.400.000	846	50.879	33.879	1.450.879	-
6/35	23.570	20.000	-	3.570	20.000	1.400.000	-	68.031	52.031	1.468.031	-
7/36	23.570	20.000	-	3.570	20.000	1.400.000	-	85.154	71.154	1.485.154	-
8/37	23.580	20.000	-	3.580	20.000	1.400.000	-	102.219	92.219	1.502.219	-
9/38	23.580	20.000	-	3.580	20.000	1.400.000	-	119.197	113.197	1.519.197	-
10/39	23.580	20.000	-	3.580	20.000	1.400.000	15.622	151.679	151.679	1.551.679	-
11/40	23.590	20.000	-	3.590	20.000	1.400.000	-	168.576	168.576	1.568.576	-
12/41	23.610	20.000	-	3.610	20.000	1.400.000	-	185.295	185.295	1.585.295	-
13/42	23.640	20.000	-	3.640	20.000	1.400.000	-	201.806	201.806	1.601.806	-
14/43	23.670	20.000	-	3.670	20.000	1.400.000	-	218.064	218.064	1.618.064	-
15/44	23.700	20.000	-	3.700	20.000	1.400.000	7.111	241.150	241.150	1.641.150	-
16/45	23.730	20.000	-	3.730	20.000	1.400.000	-	256.894	256.894	1.656.894	-
17/46	23.810	20.000	-	3.810	20.000	1.400.000	-	272.278	272.278	1.672.278	-
18/47	23.890	20.000	-	3.890	20.000	1.400.000	-	287.268	287.268	1.687.268	-
19/48	23.980	20.000	-	3.980	20.000	1.400.000	-	301.818	301.818	1.701.818	-
20/49	24.060	20.000	-	4.060	20.000	1.400.000	32.120	347.973	347.973	1.747.973	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi Tử vong / TTTBVV ⁽²⁾ đảm bảo	Minh họa tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến cao (Không đảm bảo)				Rút từ Giá trị tài khoản ⁽⁶⁾
	Tổng phí bảo hiểm hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm			Các khoản thưởng ⁽³⁾	Giá trị tài khoản ⁽⁴⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁵⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV ⁽²⁾	
1/30	23.550	20.000	-	3.550	6.000	1.400.000	600	4.081	-	1.404.081	-
2/31	23.550	20.000	-	3.550	8.000	1.400.000	-	9.961	-	1.409.961	-
3/32	23.550	20.000	-	3.550	12.000	1.400.000	-	20.603	603	1.420.603	-
4/33	23.560	20.000	-	3.560	19.000	1.400.000	-	39.690	21.690	1.439.690	-
5/34	-	-	-	-	-	1.400.000	-	35.881	18.881	1.435.881	-
6/35	-	-	-	-	-	1.400.000	-	31.519	15.519	1.431.519	-
7/36	-	-	-	-	-	1.400.000	-	26.518	12.518	1.426.518	-
8/37	-	-	-	-	-	1.400.000	-	20.782	10.782	1.420.782	-
9/38	-	-	-	-	-	1.400.000	-	14.226	8.226	1.414.226	-
10/39	-	-	-	-	-	1.400.000	-	6.744	6.744	1.406.744	-
11/40	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi Tử vong / TTTBVV ⁽²⁾ đảm bảo	Minh họa tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến thấp (Không đảm bảo)				Rút từ Giá trị tài khoản ⁽⁶⁾
	Tổng phí bảo hiểm hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm			Các khoản thưởng ⁽³⁾	Giá trị tài khoản ⁽⁴⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁵⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV ⁽²⁾	
1/30	23.550	20.000	-	3.550	6.000	1.400.000	600	3.693	-	1.403.693	-
2/31	23.550	20.000	-	3.550	8.000	1.400.000	-	8.754	-	1.408.754	-
3/32	23.550	20.000	-	3.550	12.000	1.400.000	-	17.800	-	1.417.800	-
4/33	23.560	20.000	-	3.560	19.000	1.400.000	-	33.902	15.902	1.433.902	-
5/34	-	-	-	-	-	1.400.000	-	27.222	10.222	1.427.222	-
6/35	-	-	-	-	-	1.400.000	-	20.257	4.257	1.420.257	-
7/36	-	-	-	-	-	1.400.000	-	12.974	-	1.412.974	-
8/37	-	-	-	-	-	1.400.000	-	5.329	-	1.405.329	-
9/38								(*)			

(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng. Sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực sẽ không được chi trả. Quý khách có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực.

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

Ghi chú:

- (1) Bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có).
- (2) Quyền lợi Thương tật toàn bộ vĩnh viễn được chi trả trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau ngày sinh nhật lần thứ 66 của Người được bảo hiểm. Quyền lợi Tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng tại một số thời điểm, phụ thuộc vào kết quả đầu tư của (các) Quỹ liên kết đơn vị.
- (3) Bao gồm Quyền lợi Khởi đầu vững chắc, Thưởng duy trì hợp đồng và Thưởng đặc biệt:
 - Quyền lợi Khởi đầu vững chắc bằng % Phí bảo hiểm cơ bản thực đóng tại Ngày hiệu lực hợp đồng sẽ được tích lũy vào Giá trị tài khoản tại Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Thời gian cân nhắc kết thúc theo bảng sau:

Số tiền bảo hiểm (Đồng)	Từ 1 tỷ đến dưới 1,5 tỷ	Từ 1,5 tỷ đến dưới 2 tỷ	Từ 2 tỷ trở lên
% Phí bảo hiểm cơ bản thực đóng tại Ngày hiệu lực hợp đồng	3%	4%	5%

- Thưởng duy trì hợp đồng bằng 3,5% của giá trị trung bình của Giá trị tài khoản trong 60 tháng gần nhất sẽ được tích lũy vào Giá trị tài khoản tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 5, 10, 15 và 20, với điều kiện trong thời gian xét thưởng:
 - + Tổng các khoản phí đóng (không bao gồm phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung, nếu có) phải bằng ít nhất 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng; và
 - + Tổng các khoản rút từ Giá trị tài khoản không vượt quá Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng.

Thời gian xét thưởng là mỗi 5 Năm hợp đồng, bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 1, 6, 11 và 16.

- Thưởng đặc biệt bằng % Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng sẽ được tích lũy vào Giá trị tài khoản tại các ngày trả thưởng bên dưới với điều kiện: (1) tổng các khoản phí đóng (không bao gồm phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung, nếu có) trong vòng 10 Năm hợp đồng trước các ngày trả thưởng phải bằng ít nhất 10 lần Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng; và (2) tổng các khoản rút từ Giá trị tài khoản trong vòng 5 Năm hợp đồng trước các ngày trả thưởng không vượt quá Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng.

Ngày trả thưởng	Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10	Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 20
% Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng	60%	110%

Các khoản thưởng sẽ được dùng để mua các Đơn vị quỹ theo Tỷ trọng giá trị quỹ tại Ngày định giá kế tiếp ngay sau các ngày trả thưởng.

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

- (4) Giá trị tài khoản: là tổng các Giá trị quỹ của Hợp đồng bảo hiểm, sau khi cộng các khoản thưởng và trừ các khoản rút tiền (nếu có).
- (5) Giá trị hoàn lại bằng Giá trị tài khoản tại Ngày định giá (ngày Sun Life Việt Nam tính Giá đơn vị quỹ) ngay sau ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước thời hạn trừ Phí hủy hợp đồng (nếu có). Nếu hợp đồng bị chấm dứt sớm, Giá trị hoàn lại có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng.
- (6) Số tiền rút đã bao gồm Phí rút từ Giá trị tài khoản (nếu có). Số tiền rút từ mỗi quỹ được giả định tương ứng với Tỷ trọng giá trị quỹ tại thời điểm rút tiền. Các tỷ suất đầu tư dự kiến chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai. Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và sẽ chịu toàn bộ rủi ro đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với giá trị của Hợp đồng bảo hiểm trong các Quỹ liên kết đơn vị. Trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên, nếu Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ Phí bảo hiểm định kỳ và không thực hiện Rút một phần Giá trị tài khoản, Hợp đồng bảo hiểm vẫn sẽ được duy trì hiệu lực dù Giá trị tài khoản không đủ để chi trả cho Khoản khấu trừ hàng tháng. Trong trường hợp này, Khoản khấu trừ hàng tháng chưa được khấu trừ trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên sẽ được xem là Khoản nợ và sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản khi Bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm. Theo quy định của pháp luật, Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ minh họa quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trong các năm tiếp theo, nếu Bên mua bảo hiểm không yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng vẫn đủ để thanh toán Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, Hợp đồng bảo hiểm vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực với đầy đủ quyền lợi bảo hiểm và Giá trị tài khoản vẫn tiếp tục được đầu tư.

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng / Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm đem đi đầu tư					Giá trị quỹ minh họa tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến cao (Không đảm bảo)				
	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Tối Ưu	Quỹ Đẳng Cấp	Quỹ Cân Bằng	Quỹ Bền Vững	Quỹ Tăng Trưởng (9%)	Quỹ Tối Ưu (9%)	Quỹ Đẳng Cấp (9%)	Quỹ Cân Bằng (7,5%)	Quỹ Bền Vững (6%)
1/30	6.000	-	-	-	-	4.081	-	-	-	-
2/31	8.000	-	-	-	-	9.961	-	-	-	-
3/32	12.000	-	-	-	-	20.603	-	-	-	-
4/33	19.000	-	-	-	-	39.690	-	-	-	-
5/34	19.000	-	-	-	-	61.279	-	-	-	-
6/35	20.000	-	-	-	-	84.744	-	-	-	-
7/36	20.000	-	-	-	-	110.075	-	-	-	-
8/37	20.000	-	-	-	-	137.411	-	-	-	-
9/38	20.000	-	-	-	-	166.904	-	-	-	-
10/39	20.000	-	-	-	-	215.478	-	-	-	-
11/40	20.000	-	-	-	-	251.295	-	-	-	-
12/41	20.000	-	-	-	-	289.938	-	-	-	-
13/42	20.000	-	-	-	-	331.634	-	-	-	-
14/43	20.000	-	-	-	-	376.613	-	-	-	-
15/44	20.000	-	-	-	-	436.506	-	-	-	-
16/45	20.000	-	-	-	-	489.897	-	-	-	-
17/46	20.000	-	-	-	-	547.520	-	-	-	-
18/47	20.000	-	-	-	-	609.728	-	-	-	-
19/48	20.000	-	-	-	-	676.888	-	-	-	-
20/49	20.000	-	-	-	-	792.195	-	-	-	-

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng / Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm đem đi đầu tư					Giá trị quỹ minh họa tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến thấp (Không đảm bảo)				
	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Tối Ưu	Quỹ Đăng Cấp	Quỹ Cân Bằng	Quỹ Bền Vững	Quỹ Tăng Trưởng (1,2%)	Quỹ Tối Ưu (1,2%)	Quỹ Đăng Cấp (1,2%)	Quỹ Cân Bằng (2%)	Quỹ Bền Vững (3%)
1/30	6.000	-	-	-	-	3.693	-	-	-	-
2/31	8.000	-	-	-	-	8.754	-	-	-	-
3/32	12.000	-	-	-	-	17.800	-	-	-	-
4/33	19.000	-	-	-	-	33.902	-	-	-	-
5/34	19.000	-	-	-	-	50.879	-	-	-	-
6/35	20.000	-	-	-	-	68.031	-	-	-	-
7/36	20.000	-	-	-	-	85.154	-	-	-	-
8/37	20.000	-	-	-	-	102.219	-	-	-	-
9/38	20.000	-	-	-	-	119.197	-	-	-	-
10/39	20.000	-	-	-	-	151.679	-	-	-	-
11/40	20.000	-	-	-	-	168.576	-	-	-	-
12/41	20.000	-	-	-	-	185.295	-	-	-	-
13/42	20.000	-	-	-	-	201.806	-	-	-	-
14/43	20.000	-	-	-	-	218.064	-	-	-	-
15/44	20.000	-	-	-	-	241.150	-	-	-	-
16/45	20.000	-	-	-	-	256.894	-	-	-	-
17/46	20.000	-	-	-	-	272.278	-	-	-	-
18/47	20.000	-	-	-	-	287.268	-	-	-	-
19/48	20.000	-	-	-	-	301.818	-	-	-	-
20/49	20.000	-	-	-	-	347.973	-	-	-	-

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng / Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm đem đi đầu tư					Giá trị quỹ minh họa tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến cao (Không đảm bảo)				
	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Tối Ưu	Quỹ Đăng Cấp	Quỹ Cân Bằng	Quỹ Bền Vững	Quỹ Tăng Trưởng (9%)	Quỹ Tối Ưu (9%)	Quỹ Đăng Cấp (9%)	Quỹ Cân Bằng (7,5%)	Quỹ Bền Vững (6%)
1/30	6.000	-	-	-	-	4.081	-	-	-	-
2/31	8.000	-	-	-	-	9.961	-	-	-	-
3/32	12.000	-	-	-	-	20.603	-	-	-	-
4/33	19.000	-	-	-	-	39.690	-	-	-	-
5/34	-	-	-	-	-	35.881	-	-	-	-
6/35	-	-	-	-	-	31.519	-	-	-	-
7/36	-	-	-	-	-	26.518	-	-	-	-
8/37	-	-	-	-	-	20.782	-	-	-	-
9/38	-	-	-	-	-	14.226	-	-	-	-
10/39	-	-	-	-	-	6.744	-	-	-	-
11/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng / Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm đem đi đầu tư					Giá trị quỹ minh họa tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến thấp (Không đảm bảo)				
	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Tối Ưu	Quỹ Đăng Cấp	Quỹ Cân Bằng	Quỹ Bền Vững	Quỹ Tăng Trưởng (1,2%)	Quỹ Tối Ưu (1,2%)	Quỹ Đăng Cấp (1,2%)	Quỹ Cân Bằng (2%)	Quỹ Bền Vững (3%)
1/30	6.000	-	-	-	-	3.693	-	-	-	-
2/31	8.000	-	-	-	-	8.754	-	-	-	-
3/32	12.000	-	-	-	-	17.800	-	-	-	-
4/33	19.000	-	-	-	-	33.902	-	-	-	-
5/34	-	-	-	-	-	27.222	-	-	-	-
6/35	-	-	-	-	-	20.257	-	-	-	-
7/36	-	-	-	-	-	12.974	-	-	-	-
8/37	-	-	-	-	-	5.329	-	-	-	-
9/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. Thông tin về các Quỹ liên kết đơn vị

Các Quỹ liên kết đơn vị	Mục tiêu đầu tư	Chiến lược, chính sách đầu tư			
		Danh mục tài sản đầu tư	Mức tối thiểu	Mức tối đa	Mức độ rủi ro và Lợi nhuận dự kiến
Quỹ Tăng Trưởng	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam	75%	100%	Cao
		Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...)	0%	25%	
Quỹ Tối Ưu	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam thuộc các lĩnh vực nền tảng của nền kinh tế, đóng góp chủ đạo cho GDP trong dài hạn	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thuộc các lĩnh vực công nghiệp, vật liệu, công nghệ thông tin và hàng tiêu dùng	90%	100%	Cao
		Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...)	0%	10%	
Quỹ Đăng Cấp	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam đối với các doanh nghiệp đã đạt giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng tốt, đáp ứng 3 tiêu chí: + có giá trị vốn hóa tối thiểu 2.000 tỷ Đồng Việt Nam, + giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tối thiểu 10 tỷ Đồng Việt Nam trong 3 tháng gần nhất, + tỷ lệ cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn có thể mua là thấp hơn 5% và giá trị không quá 500 tỷ Đồng Việt Nam.	90%	100%	Cao
		Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...)	0%	10%	

THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ (tiếp theo)

Các Quỹ liên kết đơn vị	Mục tiêu đầu tư	Chiến lược, chính sách đầu tư			
		Danh mục tài sản đầu tư	Mức tối thiểu	Mức tối đa	Mức độ rủi ro và Lợi nhuận dự kiến
Quỹ Cân Bằng	Tạo ra sự phối hợp cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam	35%	65%	Trung bình
		Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...)	35%	65%	
Quỹ Bền Vững	Tạo thu nhập ổn định song song với bảo toàn vốn trung và dài hạn	Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...)	0%	100%	Thấp

- Đơn vị quản lý Quỹ: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ (tiếp theo)

- Giá đơn vị quỹ được xác định bằng cách lấy Giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết đơn vị chia cho số lượng Đơn vị quỹ của Quỹ liên kết đơn vị đó tại Ngày định giá. Định kỳ định giá đơn vị quỹ là 2 lần/tuần. Hiện tại, Ngày định giá hàng tuần là Thứ Tư và Thứ Sáu. Nếu Thứ Tư hoặc Thứ Sáu là ngày nghỉ lễ, Ngày định giá sẽ là ngày làm việc tiếp theo.
Tất cả các giao dịch mua hoặc bán các Đơn vị quỹ đều sử dụng Giá đơn vị quỹ được xác định tại Ngày định giá ngay sau ngày yêu cầu được chấp thuận hoặc ngày giao dịch.
Nội dung thông tin/báo cáo về sản phẩm, hoạt động của quỹ sẽ được công bố tại <https://www.sunlife.com.vn/vn/dich-vu-khach-hang/lai-suat-va-quy/bao-cao-quy/>; và Giá đơn vị quỹ sẽ được công bố tại <https://www.sunlife.com.vn/vn/dich-vu-khach-hang/lai-suat-va-quy/gia-don-vi-quy/>.
- Giá đơn vị quỹ của Quỹ liên kết đơn vị có thể tăng hoặc giảm. Giá trị tài khoản có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư của (các) Quỹ liên kết đơn vị. Kết quả đầu tư của (các) Quỹ liên kết đơn vị có thể cho kết quả âm và **KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO**.
- Tỷ suất đầu tư thực tế

Tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm của các Quỹ

Năm	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Cân Bằng	Quỹ Bền Vững	Quỹ Tối Ưu	Quỹ Đăng Cấp
2020	28,0%	16,9%	3,7%		
2021	44,0%	27,2%	7,2%		
2022	-27,5%	-19,3%	7,7%		
2023	19.4%	16.2%	7.3%	14.6%	18.4%

Các chỉ số đầu tư

Năm	VN Index	Lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm
2020	14,9%	2,9%
2021	35,7%	2,1%
2022	-32,8%	4,8%
2023	12.2%	2.2%

- Những lựa chọn Quỹ liên kết đơn vị khác nhau của Bên mua bảo hiểm có thể dẫn đến các tỷ suất lợi nhuận đầu tư khác nhau tùy vào tình hình hoạt động của từng quỹ, tương ứng với biến động của lãi suất cũng như từng thị trường đầu tư (thị trường tiền tệ, thị trường nợ, thị trường cổ phiếu). Sự biến động của những khoản đầu tư khác nhau có thể ảnh hưởng đến thời gian hiệu lực thực tế của Hợp đồng bảo hiểm.

TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

- Phí bảo hiểm cơ bản:** khoản phí bảo hiểm được Bên mua bảo hiểm lựa chọn tại thời điểm tham gia bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên.
- Phí bảo hiểm đóng thêm:** khoản phí do Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại. Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 10 lần Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng. Sun Life Việt Nam có thể dùng nhận Phí bảo hiểm đóng thêm hoặc thay đổi mức tối đa này nhưng không vượt quá quy định của pháp luật hiện hành.
- Phí bảo hiểm đem đi đầu tư:** tổng phí bảo hiểm được phân bổ vào (các) Quỹ liên kết đơn vị trừ Phí ban đầu (nếu có).
- Phí ban đầu:** khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm thu được tại mỗi lần đóng phí trước khi được phân bổ vào (các) Quỹ liên kết đơn vị. Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4 - 5	6+
Phí bảo hiểm cơ bản	70%	60%	40%	5%	0%
Phí bảo hiểm đóng thêm	5%	5%	5%	5%	0%

- Phí bảo hiểm rủi ro:** khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo vệ theo hợp đồng. Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro được xác định theo Số tiền bảo hiểm rủi ro, tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm và sẽ tăng theo tuổi của Người được bảo hiểm tại mỗi Ngày kỷ niệm năm hợp đồng.
- Phí quản lý hợp đồng:** khoản phí được khấu trừ hàng tháng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm.

Phí quản lý hợp đồng bằng 42.000 đồng/tháng trong năm 2024 và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng/tháng.

- Phí quản lý quỹ** được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý (các) Quỹ liên kết đơn vị. Phí quản lý quỹ được tính trên tổng giá trị tài sản của mỗi Quỹ liên kết đơn vị và được khấu trừ trước khi tính Giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ liên kết đơn vị vào mỗi Ngày định giá. Phí quản lý quỹ không vượt quá tỷ lệ sau:

Quỹ liên kết đơn vị	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Tối Ưu	Quỹ Đăng Cấp	Quỹ Cân Bằng	Quỹ Bền Vững
Phí quản lý quỹ	2,5%/năm	2,10%/năm	2,10%/năm	2,25%/năm	1,85%/năm

TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

- 8. Phí chuyển đổi quỹ:** phí phát sinh khi Bên mua bảo hiểm yêu cầu chuyển đổi quỹ. Trong mỗi Năm hợp đồng, Sun Life Việt Nam sẽ miễn Phí chuyển đổi quỹ cho 6 lần chuyển đổi đầu tiên, kể từ lần chuyển đổi quỹ thứ 7 trở đi, Phí chuyển đổi quỹ là 50.000 đồng/lần.
- 9. Phí rút tiền:** khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút một phần từ Giá trị tài khoản. Phí rút tiền bằng 2% của số tiền rút, tối đa là 200.000 đồng. Miễn Phí rút tiền từ Năm hợp đồng thứ 6 trở đi.
- 10. Phí hủy hợp đồng:** khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi hủy hợp đồng trước hạn. Phí hủy hợp đồng được tính trên tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7	8	9	10+
Phí hủy hợp đồng (% Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng)	100%	90%	85%	80%	70%	50%	30%	0%

Lưu ý: Trường hợp các khoản phí trên có sự thay đổi, Sun Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm (*)	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (*)	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến cao	Tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến thấp
1	20.000	-	20.000	14.000	-	14.000	6.000	-	6.000	516	2.450	2.450
2	20.000	-	20.000	12.000	-	12.000	8.000	-	8.000	540	2.520	2.520
3	20.000	-	20.000	8.000	-	8.000	12.000	-	12.000	564	2.618	2.618
4	20.000	-	20.000	1.000	-	1.000	19.000	-	19.000	588	2.730	2.730
5	20.000	-	20.000	1.000	-	1.000	19.000	-	19.000	612	2.870	2.870
6	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	636	3.038	3.038
7	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	660	3.248	3.248
8	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	684	3.486	3.486
9	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	708	3.752	3.752
10	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.060	4.060
11	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.410	4.410
12	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.788	4.788
13	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.194	5.194
14	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.642	5.642
15	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.118	6.118
16	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.622	6.622
17	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.168	7.168
18	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.742	7.742
19	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	8.358	8.358
20	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	9.044	9.044

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (tiếp theo)

(*) Trường hợp Phí bảo hiểm đóng thêm được đóng trước khi kết thúc Thời gian cân nhắc, Phí bảo hiểm đóng thêm trừ Phí ban đầu (nếu có) chỉ được phân bổ sau khi kết thúc Thời gian cân nhắc và được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ của Hợp đồng bảo hiểm theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá ngay sau khi kết thúc Thời gian cân nhắc. Trường hợp Phí bảo hiểm đóng thêm được đóng sau Thời gian cân nhắc, Phí bảo hiểm đóng thêm trừ Phí ban đầu (nếu có) được dùng để mua các Đơn vị quỹ của Hợp đồng bảo hiểm theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá ngay sau ngày Sun Life Việt Nam nhận được Phí bảo hiểm đóng thêm.

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm (*)	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (*)	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến cao	Tại mức tỷ suất đầu tư dự kiến thấp
1	20.000	-	20.000	14.000	-	14.000	6.000	-	6.000	516	2.450	2.450
2	20.000	-	20.000	12.000	-	12.000	8.000	-	8.000	540	2.520	2.520
3	20.000	-	20.000	8.000	-	8.000	12.000	-	12.000	564	2.618	2.618
4	20.000	-	20.000	1.000	-	1.000	19.000	-	19.000	588	2.730	2.730
5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	612	2.870	2.870
6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	636	3.038	3.038
7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	3.248	3.248
8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	684	3.486	3.486
9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	708	3.752	-
10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.060	-
11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (tiếp theo)

(*) Trường hợp Phí bảo hiểm đóng thêm được đóng trước khi kết thúc Thời gian cân nhắc, Phí bảo hiểm đóng thêm trừ Phí ban đầu (nếu có) chỉ được phân bổ sau khi kết thúc Thời gian cân nhắc và được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ của Hợp đồng bảo hiểm theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá ngay sau khi kết thúc Thời gian cân nhắc. Trường hợp Phí bảo hiểm đóng thêm được đóng sau Thời gian cân nhắc, Phí bảo hiểm đóng thêm trừ Phí ban đầu (nếu có) được dùng để mua các Đơn vị quỹ của Hợp đồng bảo hiểm theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá ngay sau ngày Sun Life Việt Nam nhận được Phí bảo hiểm đóng thêm.

CÁC QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Tích lũy thêm
2. Thay đổi Tỷ lệ đầu tư
3. Rút một phần Giá trị tài khoản
4. Chuyển đổi quỹ
5. Đóng phí linh hoạt từ Năm hợp đồng thứ 5
6. Thay đổi Số tiền bảo hiểm từ Năm hợp đồng thứ 3
7. Tặng Số tiền bảo hiểm không cần thẩm định khi xảy ra một trong các sự kiện làm gia tăng trách nhiệm tài chính (kết hôn, sinh con/nhận con nuôi, con vào cấp 1, 2, 3 hoặc đại học, vợ/chồng của Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn)
8. Tham gia thêm, hoặc chấm dứt hiệu lực (các) sản phẩm bổ sung

Bên mua bảo hiểm có thể truy cập và tự thiết lập, đánh giá hợp đồng bảo hiểm SUN - Sóng Sáng dự kiến tham gia tại <https://sunlife.co/sun-ez>.

TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA SẢN PHẨM SUN - SÓNG SÁNG

1. Loại trừ trong trường hợp tử vong

- Hành động tự tử trong vòng 2 năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có);
- Hành vi cố ý của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm, hoặc Người thụ hưởng;
- Tử vong do bị thi hành án tử hình;
- Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải AIDS, các bệnh có liên quan đến AIDS hay do vi rút gây bệnh AIDS;
- Bệnh có sẵn.

2. Loại trừ trong trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

- Sử dụng chất kích thích, ma túy, hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Chiến tranh hoặc các hoạt động gây chiến;
- Hành vi cố ý của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm, hoặc Người thụ hưởng;
- Phục vụ cho quân đội vào thời gian chiến tranh;
- Tham gia các môn thể thao nguy hiểm;
- Tham gia các hoạt động hàng không, trừ trường hợp Người được bảo hiểm là hành khách, đi trên các chuyến bay thương mại với các lịch trình thường xuyên trên các tuyến đường đã được xác lập;
- Điều trị nhiễm bức xạ hoặc nhiễm phóng xạ;
- Hành vi phạm tội hoặc cố tình tham gia vào các hành vi phạm tội, hoặc hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm;
- Bệnh có sẵn.

Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định chi tiết tại Điều 6 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm SUN - Sóng Sáng.

TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA (CÁC) BẢO HIỂM BỔ SUNG

1. Bảo hiểm bổ sung - Sóng An

- Tự tử trong vòng 2 năm;
- Tự gây thương tích
- Vi phạm pháp luật/Tham gia môn thể thao nguy hiểm/Tham gia phương tiện hàng không không phải với tư cách là một hành khách
- Chiến tranh/gây chiến.../Nhiễm bức xạ/phóng xạ
- Sử dụng thức uống có cồn/chất kích thích/chất gây nghiện/chất độc/thuốc
- Nhiễm trùng, nhiễm độc; đột tử; tai biến; do hậu quả trong quá trình điều trị bệnh, phẫu thuật

Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định tại Điều 3 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm bổ sung - Sóng An.

2. Bảo hiểm bổ sung - Sóng Chất

- Tự tử
- Tự gây thương tật/Vi phạm pháp luật/Điều trị bệnh liên quan đến HIV/AIDS (trừ khi đang làm nhiệm vụ công an/nhân viên y tế)
- Bệnh có sẵn/Bệnh bẩm sinh/Dị tật bẩm sinh/Chiến tranh/gây chiến... /Nhiễm bức xạ/phóng xạ
- Bệnh phong/Liên quan đến Phòng tránh thai, vô sinh.../Kiểm tra mắt/liên quan đến tật mắt...
- Mua nội tạng để ghép tạng
- Điều trị thẩm mỹ/thiết bị chỉnh hình/bộ phận cơ thể giả /trợ thính hoặc thị lực, nặng
- Điều trị thử nghiệm/hoặc các điều trị/phẫu thuật tự chọn không cần thiết và hợp lý về mặt y khoa ...
- Điều trị tâm thần/rối loạn tâm lý... hoặc điều trị nghiện rượu/thuốc lá/ma túy/chất gây nghiện
- Sử dụng trái phép thức uống có cồn/chất kích thích/chất gây nghiện/thuốc/chất độc (trừ khi có chỉ định của Bác sĩ)
- Tham gia môn thể thao/giải trí/hoạt động nguy hiểm/Tham gia phương tiện hàng không không phải với tư cách là một hành khách
- Tiêm chủng/thuốc phòng ngừa
- Nghi dưỡng, phục hồi sức khỏe/tĩnh dưỡng, điều trị phục hồi chức năng

Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định tại Điều 3 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm bổ sung - Sóng Chất.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, Bên mua bảo hiểm, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã được tư vấn đầy đủ, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi đã được Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích đầy đủ và hiểu rõ về Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của sản phẩm SUN - Sống Sáng và các sản phẩm bổ sung (nếu có). Tôi cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích của mình.
2. Tôi hiểu rằng tham gia Hợp đồng bảo hiểm SUN - Sống Sáng là một cam kết dài hạn. Tôi không nên duy trì Hợp đồng bảo hiểm chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản phí có thể rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng.
3. Tôi đã đánh giá tất cả các quyền lợi theo Hợp đồng bảo hiểm của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm.
4. Tôi chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu tôi muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, tôi có thể liên hệ Tư vấn Tài chính hoặc đường dây nóng của Sun Life Việt Nam.
5. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn và Phí bảo hiểm được đóng theo định kỳ năm. Tôi có thể yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm theo định kỳ đóng phí thực tế lựa chọn.
6. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, định kỳ đóng phí thực tế, số tiền rút thực tế, Phí bảo hiểm rủi ro thực tế, phí bảo hiểm thực tế của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp tôi không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung) và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này. Kết quả đầu tư của (các) Quỹ liên kết đơn vị không được đảm bảo.
7. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng và phí bảo hiểm thực tế của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp tôi không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung) hàng tháng.
8. Lạm phát có thể dẫn đến việc trượt giá đối với các số liệu được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm.
9. Sun Life Việt Nam có thể thay đổi mức phí của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng và Sun Life Việt Nam sẽ thông báo trước 3 tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
10. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và được đính kèm như là một phần của Hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tôi, **Tư vấn tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của sản phẩm SUN - Sống Sáng và các sản phẩm bổ sung (nếu có) với Bên mua bảo hiểm một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi, đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

Mã số: 174433

Họ và tên: TRẦN VŨ QUỐC AN